

SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
TRUNG TÂM  
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: 49/GM-KSBT

V/v Mời chào giá cung cấp dịch vụ bảo dưỡng tủ  
bảo quản vắc xin

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 06 tháng 10 năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị/ các Công ty cung cấp dịch vụ hiệu chuẩn, bảo dưỡng.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hưng Yên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu cung cấp dịch vụ bảo dưỡng tủ bảo quản vắc xin năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hưng Yên.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Trần Phúc Hậu, Thành viên Hội đồng mua sắm. ĐT: 0983.029.562.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Số 113 đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.
  - Và file scan qua email: [hdms.cdctb@gmail.com](mailto:hdms.cdctb@gmail.com), hệ thống đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

### 4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ thời điểm đăng tải yêu cầu báo giá đến trước 11h00 ngày 13/10/2025.
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

### 5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13/10/2025.

### II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa mời chào giá đính kèm tại phụ lục 1. Giá báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển và các loại chi phí khác (nếu có). Lưu ý: Công ty chào trọn gói dịch vụ bảo dưỡng cho toàn bộ danh mục.

2. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Sau khi hai bên thương thảo thống nhất thực hiện hợp đồng.

### 3. Hồ sơ báo giá gồm:

- Báo giá;
- Hồ sơ pháp lý của công ty;
- Hồ sơ năng lực của công ty.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hưng Yên kính mời đại diện các đơn vị gửi hồ sơ trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐMS.



Nguyễn Văn Đức





**Phụ lục 01: DANH MỤC TỦ BẢO QUẢN VẮC XIN CẦN BẢO DƯỠNG NĂM 2025**

(Kèm theo giấy mời số 49 /GM-KSBT ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hưng Yên)

| TT | Loại tủ | Số máy<br>(Serial No) | Model       | Hãng sản xuất        | Nước sản<br>xuất | Dung<br>tích<br>(lít) | Đơn vị<br>tính | Số lượng | Địa điểm<br>thực hiện                            |
|----|---------|-----------------------|-------------|----------------------|------------------|-----------------------|----------------|----------|--------------------------------------------------|
| 1  | Tủ lạnh | 1101588               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01       | Trung<br>tâm<br>KSBT<br>Hưng<br>Yên - cơ<br>sở 2 |
|    | Tủ lạnh | 0191623               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
|    | Tủ lạnh | 0191352               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
|    | Tủ lạnh | 0191357               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
|    | Tủ lạnh | 8142340               | TCW3000     | Dometic              | Luxembourg       | 126                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
|    | Tủ lạnh | 8162496               | TCW3000     | Dometic              | Luxembourg       | 126                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
|    | Tủ lạnh | 7482036               | TCW 3000    | Dometic              | Luxembourg       | 126                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
|    | Tủ lạnh | 4231482               | TCW 3000AC  | Dometic              | Luxembourg       | 150                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
|    | Tủ lạnh | 4231504               | TCW 3000AC  | Dometic              | Luxembourg       | 150                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
|    | Tủ lạnh | 4240450               | TCW 3000AC  | Dometic              | Luxembourg       | 150                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
|    | Tủ đá   | 5013792               | TFW800      | Dometic              | Luxembourg       | 290                   | Chiếc          | 01       |                                                  |
| 2  | Tủ lạnh | 2272624               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01       | TTYT<br>Thái Bình                                |
| 3  | Tủ lạnh | 2192006               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01       | TTYT<br>Quỳnh<br>Phụ                             |
| 4  | Tủ lạnh | 1101550               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01       | TTYT<br>Hưng Hà                                  |





| TT | Loại tủ        | Số máy<br>(Serial No) | Model       | Hãng sản xuất        | Nước sản<br>xuất | Dung<br>tích<br>(lít) | Đơn vị<br>tính | Số lượng  | Địa điểm<br>thực hiện |
|----|----------------|-----------------------|-------------|----------------------|------------------|-----------------------|----------------|-----------|-----------------------|
|    | Tủ lạnh        | 2272626               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01        |                       |
| 5  | Tủ lạnh        | 2242959               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01        | TTYT<br>Đông<br>Hưng  |
| 6  | Tủ lạnh        | 2242962               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01        | TTYT<br>Thái<br>Thụy  |
| 7  | Tủ lạnh        | 2272563               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01        | TTYT<br>Tiền Hải      |
| 8  | Tủ lạnh        | 2282132               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01        | TTYT<br>Kiến<br>Xương |
| 9  | Tủ lạnh        | 2272591               | TCW 4000 AC | B Medical<br>Systems | Luxembourg       | 240                   | Chiếc          | 01        | TTYT Vũ<br>Thư        |
|    | <b>Tổng số</b> |                       |             |                      |                  |                       |                | <b>20</b> |                       |





## Phụ lục 2. MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Giấy mời số 49/GM-KSBT ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Trung tâm KSBT Hưng Yên)

TÊN CÔNG TY

Số:.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc.

### BẢNG BÁO GIÁ

**Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hưng Yên**

Công ty..... có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh...được cấp bởi...

Trên cơ sở thông báo mời báo giá ngày.....tháng....năm.....của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và khả năng cung ứng của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý Cơ quan Báo giá các dịch vụ như sau:

1. Báo giá có các thiết bị và dịch vụ liên quan

| STT | Tên/model thiết bị | Hãng/ Nước sản xuất | Thông số kỹ thuật | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Số lượng/ khối lượng | Đơn giá (VND) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế phí nếu có (VND) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND) | Thành tiền (VND) |
|-----|--------------------|---------------------|-------------------|--------------------|-------------|----------------------|---------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------|------------------|
| 1   |                    |                     |                   |                    |             |                      |               |                                                          |                                  |                  |
| 2   |                    |                     |                   |                    |             |                      |               |                                                          |                                  |                  |
| n   | ...                |                     |                   |                    |             |                      |               |                                                          |                                  |                  |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm. ..[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 5 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày...tháng...năm 2025

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY**

(Ký tên, đóng dấu)